

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Ban hành chương trình đào tạo các ngành đại học chính quy 2022
của Trường Đại học Thái Bình Dương**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 1929/QĐ-TTg, ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc Thành lập Trường Đại học Thái Bình Dương;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-ĐHTBD-HNNĐT ngày 17/11/2020 của Hội nghị nhà đầu tư về việc công nhận bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Quyết định số 251/QĐ-ĐHTBD ngày 07/12/2020 của Hiệu trưởng về việc phân công công tác Ban giám hiệu Trường Đại học Thái Bình Dương;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT, ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 255/QĐ-ĐHTBD, ngày 28/10/2021 của Hiệu trưởng về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Thái Bình Dương;

Căn cứ vào các Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo góp ý về chương trình đào tạo đại học chính quy năm 2022;

Theo đề nghị của Trường các Khoa và Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Chương trình đào tạo đại học chính quy các ngành” của Trường đại học Thái Bình Dương (có chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Chương trình đào tạo này được áp dụng đối với các khóa tuyển sinh và đào tạo kể từ năm 2022.

Điều 3. Trường khoa, Trường Bộ môn, Trường phòng Đào tạo và Trường các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- HĐT (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu VT, ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Quốc Lộc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN ĐÔNG PHƯƠNG HỌC

Ngành đào tạo : Đông Phương học

Trình độ đào tạo : Đại học

Mã ngành : 7310608

Chuyên ngành

Mã chuyên ngành	Tên chuyên ngành	Lớp định hướng áp dụng
7310608.01	Tiếng Trung Quốc	Chính quy 2022

*(Ban hành theo Quyết định số: 232A/QĐ-ĐHTBD ngày 29/8/2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương)*

Khánh Hòa, 2022

MỤC LỤC

PHẦN 1. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH.....	1
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo	1
1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo	1
PHẦN 2. CĂN CỨ XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH	1
2.1. Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của Trường Đại học Thái Bình Dương	1
2.2. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Thái Bình Dương	2
2.3. Căn cứ pháp lý	2
2.4. Căn cứ thực tiễn	3
PHẦN 3. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, CHUẨN ĐẦU RA VÀ CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP	3
3.1. Mục tiêu đào tạo	3
3.2. Chuẩn đầu ra	4
3.3. Cơ hội nghề nghiệp	4
PHẦN 4. TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ TỐT NGHIỆP	5
4.1. Tiêu chí tuyển sinh	5
4.2. Tổ chức đào tạo	5
4.3. Điều kiện tốt nghiệp	8
PHẦN 5. NỘI DUNG ĐÀO TẠO	8
5.1. Cấu trúc chương trình	8
5.2. Danh mục môn học	9
5.3. Hoạt động hỗ trợ đào tạo	12
PHẦN 6. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	13
6.1. Đối sánh sự đóng góp của mỗi môn học vào chuẩn đầu ra của chương trình	13
6.2. Đối sánh với một số chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo khác	15
PHẦN 7. LỘ TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN	15
7.1. Lộ trình đào tạo tối ưu	15
7.2. Hướng dẫn thực hiện chương trình	17

PHẦN 1. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Trung Quốc học là một ngành học chuyên về đất nước, con người Trung Quốc. Hiển nhiên, ngôn ngữ là công cụ cơ bản nhất để phát triển sự học hỏi, nghiên cứu các phạm trù về văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng, tôn giáo...

Vì vậy, chương trình đào tạo Trung Quốc học của TBD - dành cho đối tượng người học có trình độ tiếng Trung bằng 0 - tập trung phần lớn thời lượng vào việc đổ nền ngôn ngữ. Sau khi có được năng lực HSK4/6, người học tiếp tục được trang bị nhiều hơn kỹ năng khẩu ngữ thông qua các môn học tiếng Trung ứng dụng trong các lĩnh vực du lịch, biên phiên dịch, dạy học...giúp người học biến đam mê ngôn ngữ thành sự nghiệp vững vàng.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

a) Ngành đào tạo : Đông Phương học

- Tên tiếng Anh : Asian Studies

- Mã ngành cấp 4 : 7310608

- Trình độ đào tạo : Đại học

- Loại hình đào tạo : Chính quy

- Loại văn bằng : Cử nhân

- Thời gian đào tạo : 3,5 năm

- Tổng số tín chỉ : 130 tín chỉ¹

b) Chuyên ngành

Mã chuyên ngành	Tên chuyên ngành	
	Tiếng Việt	Tiếng Anh
7310608.01	Tiếng Trung Quốc	Chinese Studies

c) Cơ sở đào tạo và cấp bằng: Trường Đại học Thái Bình Dương

d) Đơn vị tổ chức giảng dạy: Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa

PHẦN 2. CĂN CỨ XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của Trường Đại học Thái Bình Dương

a) **Tầm nhìn:** Đại học Thái Bình Dương là đại học miền duyên hải có uy tín, có khả năng quy tụ giảng viên xuất sắc và sinh viên triển vọng với môi trường giáo dục liên chính, chuẩn mực quốc tế.

¹ Trong đó đã bao gồm 9 tín chỉ không tính vào điểm trung bình chung gồm các môn Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh.

b) Sự mệnh: Đại học Thái Bình Dương truyền thụ và phát triển tri thức nhằm đào tạo người học có năng lực tự chủ trong cuộc sống và nghề nghiệp, thích ứng với môi trường kinh tế, xã hội, công nghệ toàn cầu và trở thành công dân hữu ích, hạnh phúc, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của địa phương và xã hội.

c) Giá trị cốt lõi: Trong mọi quyết định hành động của mình, tập thể sư phạm và sinh viên trường Đại học Thái Bình Dương cam kết theo đuổi các giá trị cốt lõi sau đây:

GIÁ TRỊ	ĐẢM BẢO
Chính trực	Thực hành sự tử tế và sự trung thực trong lời nói và hành động.
Tự do học thuật	Ủng hộ việc mở rộng phạm vi tìm hiểu và nghiên cứu.
Tôn trọng sự khác biệt	Ủng hộ sự khác biệt trên cơ sở tôn trọng sự thực, phẩm cách, lẽ phải, công bằng và đạo lý.
Trách nhiệm	Sự tự khẳng định trách nhiệm cá nhân trước mỗi chọn lựa, quyết định hành động.
Cách tân	Ủng hộ giải pháp sáng tạo.
Hài hòa	Cân nhắc đủ các thành tố cần thiết trong việc ra quyết định hành động.

2.2. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Thái Bình Dương

“THỰC HỌC – TOÀN DIỆN – TRAO QUYỀN – TƯƠNG TÁC – THẤU CẢM”

a) Thực học: Sinh viên được trải nghiệm thực tế như một phần cốt lõi của chương trình học như làm dự án thật từ doanh nghiệp, học qua nghiên cứu trường hợp thực tế, kết nối với chuyên gia nghề nghiệp, trong các không gian thực hành đa dạng.

b) Toàn diện: Sinh viên phát triển năng lực toàn diện được tích hợp vào từng môn học: Từ tư duy phân tích, phản biện, sáng tạo đến giao tiếp, thuyết trình và truyền thông; Từ thông minh cảm xúc đến trách nhiệm cá nhân và dân thân xã hội.

c) Trao quyền: Sinh viên làm chủ quá trình học tập, được đối xử như những cá nhân trưởng thành, được phản hồi thường xuyên từ giảng viên và chuyên gia. Môi trường học tập dân chủ giúp sinh viên phát huy sức mạnh bản thân, tạo sức bật độc đáo cho từng cá nhân.

d) Tương tác: Sinh viên tương tác thường xuyên và có ý nghĩa với giảng viên, người cùng học, lãnh đạo trường, cựu sinh viên, với các cá nhân và tổ chức để việc học hiệu quả và hứng khởi. Tương tác giúp sinh viên xây dựng cho mình một mạng lưới các kết nối hữu ích cho cuộc sống và công việc ngay từ khi còn đi học.

e) Thấu cảm: Sinh viên phát triển lòng thấu cảm vừa thông qua nhận thức cảm xúc của bản thân và người khác, vừa thông qua thực hành sống tử tế và nhân ái.

2.3. Căn cứ pháp lý

a) Văn bản pháp luật của nhà nước

- Luật Giáo dục đại học năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo;
- Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

b) Văn bản của Trường Đại học Thái Bình Dương

- Nghị quyết số 04/NQ-ĐHTBD-HĐQT ngày 20/11/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương Ban hành chiến lược phát triển trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030 (bao gồm sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục);
- Quyết định số 188/QĐ-ĐHTBD ngày 09/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương Ban hành Quy trình về xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Quyết định số 255/QĐ-ĐHTBD ngày 28/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

2.4. Căn cứ thực tiễn

Trung Quốc là láng giềng hữu nghị của Việt Nam. Hai nước không những có mối quan hệ chính trị lâu đời, mà còn có mối quan hệ hợp tác kinh tế sâu rộng. Tại khu vực duyên hải miền Trung, việc đào tạo nhân lực tinh thông ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc còn thiếu nhiều so với nhu cầu thị trường lao động.

Đối với doanh nghiệp tuyển dụng lao động dựa trên năng lực thực tế là ưu tiên hàng đầu, trong đó HSK4 và HSKK4 là hai tiêu chí thể hiện rõ năng lực tiếng Trung của ứng cử viên đủ trình độ để có thể tiến hành giao tiếp, biên phiên dịch, trợ lý ngôn ngữ, chăm sóc đối tác, khách hàng...

Ngoài ra, theo đà phát triển của xã hội, các ngành nghề mới cũng hình thành và dần trở nên thịnh hành. Việc bổ sung môn học mới, hoàn thiện CTĐT không những thể hiện sự thức thời, thấu cảm của tập thể GV mà còn là sự đáp ứng một cách kịp thời nhu cầu của xã hội.

PHẦN 3. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, CHUẨN ĐẦU RA VÀ CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP

3.1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo chuyên ngành Trung Quốc học của Trường Đại học Thái Bình Dương (TBD) được thiết kế dựa theo nhu cầu thị trường lao động sử dụng tiếng Trung của các doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan khu vực duyên hải miền Trung. Trên nền tảng giáo dục khai phóng, chương trình đào tạo Trung Quốc học TBD mang đến cho sinh viên một **chuyên môn sâu** trên **nền tảng rộng** các năng lực tổng quát, giúp người học thích nghi nhanh và thành công trong môi trường làm việc năng động, đa dạng và nhiều biến đổi.

Chuyên môn sâu: Sinh viên khám phá các học phần chuyên ngành kết hợp ứng dụng tức thời và thường xuyên vào thực tiễn công việc thông qua việc thực hiện đề án, thực hành, thực tập và cùng làm các chuyên đề với chuyên gia trong nước và quốc tế.

Nền tảng rộng: Sinh viên được rèn luyện liên tục các nhóm kiến thức và năng lực sau:

- Kiến thức tổng quát về con người, xã hội và tự nhiên;
- Kỹ năng thực hành và năng lực trí tuệ;
- Trách nhiệm cá nhân và đạo đức xã hội;
- Thích nghi thực tiễn;
- Ngoại ngữ và tin học.

3.2. Chuẩn đầu ra

TT	Nội dung chuẩn đầu ra
PLO1	Có sự hiểu biết về văn hóa phương Đông;
PLO2	Nắm vững kiến thức về ngôn ngữ Trung; biết so sánh đối chiếu với ngôn ngữ Việt;
PLO3	Nắm vững kiến thức về văn hóa Trung Quốc; biết so sánh đối chiếu hai nền văn hóa Việt – Trung;
PLO4	Có năng lực tiếng Trung tương đương HSK, HSKK cấp 5/6 trở lên;
PLO5	Nắm vững phương pháp dịch thuật, phương pháp giảng dạy tiếng Trung hiệu quả;
PLO6	Có sự hiểu biết cơ bản về quy trình làm việc các ngành nghề thuộc lĩnh vực du lịch và truyền thông, đồng thời có năng lực sử dụng tiếng Trung trong các công việc tương ứng;
PLO7	Có thói quen tư duy đa chiều, liên ngành và sáng tạo; có thói quen tự học; có năng lực ngôn ngữ tiếng Việt và ngoại ngữ; linh hoạt thích ứng trước những thay đổi của cuộc sống.
PLO8	Quản lý cảm xúc cá nhân trong giao tiếp, làm việc nhóm và quan hệ xã hội; biết lưu tâm đến những khác biệt về văn hóa, sắc tộc, giới tính, giá trị, niềm tin v.v. để ứng xử phù hợp trong những hoàn cảnh đa dạng của công việc và cuộc sống.
PLO9	Có thói quen cân nhắc khía cạnh đạo đức của hành vi, hành động và quyết định cá nhân; quan tâm và dẫn thân với những câu hỏi lớn và dai dẳng của thời đại như môi trường, bất bình đẳng, đói nghèo, xung đột.

3.3. Cơ hội nghề nghiệp

- ❖ Lĩnh vực nghề nghiệp
 - Thương mại – dịch vụ;
 - Nhà hàng - khách sạn;
 - Truyền thông - báo chí;
 - Tổ chức chính phủ - phi chính phủ.
- ❖ Vị trí nghề nghiệp

- Phiên dịch viên, nhân viên văn phòng, trợ lý... các doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài, các tổ chức kinh tế, xã hội của Việt Nam và quốc tế;
- Dịch thuật cho các nhà xuất bản, trung tâm phát hành sách báo, phim ảnh, truyền thông;
- Hướng dẫn viên du lịch quốc tế, nhân viên quản lý, điều hành... tại các công ty kinh doanh dịch vụ lữ hành;
- Giáo viên giảng dạy tiếng Trung cho các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, trung tâm ngoại ngữ;
- Đủ khả năng du học nâng cao chuyên môn hoặc học vị thạc sĩ trong nước hoặc nước ngoài.

PHẦN 4. TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ TỐT NGHIỆP

4.1. Tiêu chí tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Thái Bình Dương.

4.2. Tổ chức đào tạo

a) Thời gian đào tạo: Tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ, thời gian thiết kế là 3,5 năm bao gồm cả thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp, được chia làm 11 học kỳ.

b) Phân đoạn đào tạo

GIAI ĐOẠN	MÔ TẢ
Khai phóng tiềm năng	Phát triển năng lực toàn diện và thông minh cảm xúc.
Khám phá ngành nghề	- Hiểu biết về những ngành nghề có sử dụng tiếng Trung. - Nhận thức ngành nghề thông qua việc dẫn thân, thực tập.
Phát triển chuyên môn	- Có khả năng áp dụng ngôn ngữ Trung vào ngành nghề mà sinh viên đã định hướng cho tương lai; - Thực hiện các đề án nhóm và độc lập, đào sâu chuyên môn, xây dựng các năng lực lõi của ngành nghề; - Hội nhập mạng lưới ngành nghề, tiếp xúc nhiều hơn với các chuyên gia có tính định hướng; - Tạo ra các sản phẩm dấu ấn cá nhân.
Làm chủ bản thân	- Hiểu rõ bản thân về cảm xúc, năng lực, giới hạn, ước mơ, mục đích và các giá trị cá nhân; - Hoàn tất một hồ sơ xin việc sắc nét, với những sản phẩm cá nhân độc đáo, đáng tự hào; - Lập kế hoạch cho tương lai sau khi tốt nghiệp; - Sẵn sàng dẫn thân vào cuộc sống và sự nghiệp với tinh thần lập nghiệp và doanh chủ.

c) Phương pháp dạy và học

PHÂN NHÓM	GHI CHÚ	PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC
Các phương pháp chủ đạo (70%)	Được áp dụng phổ rộng và xuyên suốt cho các môn học cốt lõi ngành.	- Phương pháp thuyết giảng; - Phương pháp phiên dịch; - Phương pháp ghi nhớ sâu; - Phương pháp so sánh; - Phương pháp phản xạ; - Phương pháp trực quan; - Phương pháp ngữ cảnh; - Phương pháp hoạt động; - Phương pháp trò chơi; - Phương pháp diễn dịch; - Phương pháp quy nạp; - Phương pháp đóng vai; - Phương pháp mô phỏng;
Các phương pháp bổ trợ (30%)	Áp dụng chủ yếu cho các môn học chuyên ngành.	- Phương pháp thực địa, điển dã; - Thực tập, thực hành; - Học từ trải nghiệm; - Học qua phục vụ cộng đồng.

d) Phương pháp đánh giá

Một môn học phải có ít nhất 3 thành phần đánh giá và thường không quá 5 thành phần được đánh ký hiệu A1, A2... A5, được phân bổ thời gian dần trải đều theo kế hoạch đào tạo, đảm bảo hợp lý và liên tục. Trong đó:

- A1 là thành phần bắt buộc, đánh giá qua các hoạt động tại lớp như thảo luận nhóm, tranh luận, thuyết trình, giải quyết vấn đề...

- A2 đến A5: Tùy biến theo môn học

(*) Nguyên tắc chung: Các thành phần đánh giá phải đảm bảo các nguyên tắc:

- Bài đánh giá bám sát chuẩn đầu ra của môn học bằng cách nêu rõ các CLO liên quan.
- Mỗi bài đánh giá có rubrics kèm theo để cương dưới dạng phụ lục.
- Không có một thành phần đánh giá nào chiếm trọng số lớn hơn 50%.
- Hạn chế tối đa hình thức thi kiểm tra kiến thức mang tính dữ kiện, nhớ, ghi chép.

(*) Các hình thức đánh giá

HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ	THƯỜNG ÁP DỤNG CHO PHẦN ĐÁNH GIÁ	
	QUÁ TRÌNH	KẾT THÚC MÔN
Đánh giá bài tập (Work Assignment)	X	
Thuyết trình (Oral Presentation)	X	X

Đánh giá hoạt động (Performance Test)	X	
Nhật ký thực tập (Journal and Blogs)	X	
Bài trắc nghiệm (Multiple Choice Exam)	X	X
Bài tự luận tập trung (Paper-based exam room)	X	X
Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)		X
Viết báo cáo (Written Report)		X
Thuyết trình cá nhân (Oral Presentation)	X	X
Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork)	X	
Báo cáo khóa luận (Graduation Thesis/ Report)		X

e) Cách tính điểm

Chương trình đào tạo sử dụng thang điểm như quy định tại Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Thái Bình Dương, ban hành theo Quyết định số 255/QĐ-ĐHTBD ngày 28/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương.

4.3. Điều kiện tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo.
- Điểm trung bình tích lũy toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên.
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng- an ninh.
- Hoàn thành các môn học Giáo dục thể chất.
- Sinh viên đạt chuẩn đầu ra tương đương năng lực tiếng Trung HSK4/6.

- Tích lũy đủ 3 tín chỉ môn học Công nghệ thông tin thời đại số là đồng nghĩa với sinh viên đạt chuẩn đầu ra tương đương chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Một số quy định khác theo Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành theo Quyết định số 255/QĐ-ĐHTBD ngày 28/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương.

PHẦN 5. NỘI DUNG ĐÀO TẠO

5.1. Cấu trúc chương trình

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53 / 6	40	13
1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	5	10
1.2.	Ngoại ngữ	18	18	
1.3.	Chính trị	11	11	

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
1.4.	Thể chất và quốc phòng	9	6	3
2.	NGÀNH	71	65	6
2.1.	Cơ sở ngành	15	15	
2.2.	Cốt lõi ngành	27	27	
2.3.	Chuyên ngành	23	23	
2.4.	Lựa chọn liên ngành	6		6
3.	TỐT NGHIỆP	6		6
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	130	105	25
4.	TÙY CHỌN MỞ RỘNG	45		45
4.1.	Song ngành	30		30
4.2.	Ngành phụ	15		15

5.2. Danh mục môn học

TT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ		
			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT		53	40	13
1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng		15	5	10
1	CNTT109V1	Công nghệ thông tin thời đại số		3	
2	LUAT112V1	Dẫn luận pháp luật và quyền con người		2	
3	Sinh viên tự chọn tích lũy 10 tín chỉ các môn học thuộc khối kiến thức và kỹ năng khai phóng (Phụ lục 1).				10
1.2.	Ngoại ngữ		18	18	
4	TT111C1	Tiếng Trung 1		3	
5	TT112C1	Tiếng Trung 2		3	
6	TT113C1	Tiếng Trung 3		3	
7	TT114C1	Tiếng Trung 4		3	
8	TT115C1	Tiếng Trung 5		3	

TT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ		
			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
9	TT116C1	Tiếng Trung 6		3	
1.3.	Chính trị		11	11	
10	GDTQ101V1	Triết học Mác - Lênin		3	
11	GDTQ102V1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin		2	
12	GDTQ103V1	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	
13	GDTQ104V1	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	
14	GDTQ105V1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	
1.4.	Thể chất và quốc phòng <i>Không tính trung bình chung tích lũy</i>		9	6	3
15	GDTQ147V1	Giáo dục thể chất			3
16	GDTQ109V1	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		6	
2.	NGÀNH		71	65	6
2.1.	Cơ sở ngành		15	15	
17	DPH101V1	Kinh tế, chính trị các nước Đông Á		3	
18	DPH102V1	Văn hóa, xã hội các nước Đông Á		3	
19	DPH103V1	Triết học và tôn giáo Đông - Tây		3	
20	TT117C1	Văn hóa Trung Quốc 1 说汉语谈文化 1		3	
21	TT118C1	Văn hóa Trung Quốc 2 说汉语谈文化 2		3	
2.2.	Cốt lõi ngành		27	27	
22	TT105C1	HSK 3A		3	
23	TT106C1	HSK 3B		3	
24	TT107C1	HSK 3C		3	
25	TT108C1	HSK 4A		3	
26	TT109C1	HSK 4B		3	
27	TT110C1	HSK 4C		3	
28	TT233C1	Ngữ pháp Hán ngữ hiện đại		3	

TT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ		
			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
		现代汉语语法			
29	TT225C1	Luyện thi HSK4 HSK4 练习		3	
30	TT224C1	Luyện thi HSKK4 HSKK4 练习		3	
2.3.	Chuyên ngành		23	23	
31	TT226C1	Tiếng Trung khách sạn – nhà hàng 酒店-餐厅汉语		3	
32	TT206C1	Phương pháp giảng dạy tiếng Trung 现代汉语教学法		3	
33	TT227C1	Tiếng Trung hướng dẫn du lịch 导游汉语		3	
34	TT223C1	Phương pháp phiên dịch 翻译方法		3	
35	TT222C1	Chuyên đề: Từ chữ Hán đến chữ Nôm 汉喃字初探		1	
36	TT232C1	Thực hành ngôn ngữ 语言实习		2	
37	TT208C1	Thực tập nhận thức 行业认识实习		2	
38	TT230C1	Đề án 1 专业实践 1		3	
39	TT231C1	Đề án 2 专业实践 2		3	
2.4.	Lựa chọn liên ngành <i>Là các môn Sinh viên tự chọn từ những chương trình đào tạo khác nhằm giúp người học có thêm kiến thức và kỹ năng trong những lĩnh vực khác ngành đang học. Sinh viên phải hoàn thành 06 tín chỉ của các học phần liên ngành mà sinh viên đã chọn (Phụ lục 4).</i>		6		6
3.	TỐT NGHIỆP		6		6

TT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ		
			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
		Sau khi sinh viên hoàn thành tất ít nhất 70% số tín chỉ của CTĐT (84 tín chỉ, không kể tín chỉ GDTC và GDQP), sinh viên có thể đăng ký học phần tốt nghiệp theo MỘT trong hai hướng sau: - Thực tập tốt nghiệp và chuyên luận (6 tín chỉ): Ngoài quy định chung về thực tập của trường, báo cáo thực tập tối thiểu 10 trang và chuyên luận tối thiểu 5 trang A4. - Khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ): GPA tối thiểu tại thời điểm đăng ký là 2.8. Báo cáo khóa luận tối thiểu 30 trang A4.			
40	TT401V1	Thực tập tốt nghiệp			6
41	TT402V1	Khóa luận tốt nghiệp			6
4.	TÙY CHỌN MỞ RỘNG		45		45
4.1.	Song ngành <i>Sinh viên có thể tích lũy thêm tối thiểu 30 tín chỉ từ khối lượng kiến thức bắt buộc trong CTĐT ngành khác theo quy định về các khối kiến thức song ngành của ngành tương ứng (trừ các môn học đã tính tích lũy trong CTĐT đang học) và được cấp giấy chứng nhận (không phải bằng đại học thứ 2) (Phụ lục 2).</i>		30		30
4.2.	Ngành phụ <i>Sinh viên có thể tích lũy thêm tối thiểu 15 tín chỉ từ khối lượng kiến thức bắt buộc trong CTĐT ngành khác, theo quy định (trừ các môn học đã tính tích lũy trong CTĐT đang học) và được cấp giấy chứng nhận (Phụ lục 3).</i>		15		15

5.3. Hoạt động bổ trợ đào tạo

Các chương trình ngoại khóa là các hoạt động không nằm trong nội dung học chính. Không thuộc vào chương trình đào tạo kiến thức chuyên môn cho từng ngành nghề. Nhưng lại có vai trò rất quan trọng trong việc phát triển kỹ năng không có trên sách vở, giúp sinh viên phát triển toàn diện hơn, rất hữu ích cho công việc lẫn cuộc sống tương lai.

Sinh viên hoàn toàn có thể tự tin làm chủ được cuộc sống tương lai. Một số kỹ năng còn giúp các bạn rất nhiều trên con đường phát triển sự nghiệp. Một số điều tốt mà sinh viên có thể đạt được khi tham gia ngoại khóa như: Các kỹ năng sống, kỹ năng mềm; Tự tin, năng động, giao tiếp tốt hơn; Tự nhận thức – khám phá năng lực, tố chất, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân; Chủ động tiếp thu kiến thức, tăng khả năng ghi nhớ; Biết cách quan sát, khám phá, thử nghiệm trực tiếp với kiến thức; Học được kỹ năng làm việc nhóm; Nâng cao khả năng hòa nhập trong cộng đồng, tập thể; Giúp dễ dàng hòa nhập, thích nghi với cuộc sống bên ngoài nhà trường; Học cách giải quyết vấn đề, tình huống trong tương lai; Phát triển tư duy sáng tạo; Phát triển kỹ năng lãnh đạo; Biết tự lập, tự giác. Kỹ năng làm việc độc lập; Hiểu được trách nhiệm cá nhân trong mỗi hoạt động của cuộc sống; Thư giãn sau giờ học; Điều chỉnh tâm trạng, trở nên vui vẻ hơn; Giải tỏa căng thẳng, áp lực; Hình thành nên thói quen giải trí tốt, lành mạnh.

Các chương trình ngoại khóa thường được tổ chức theo những hình thức: Sự kiện trong và ngoài trường học; Câu lạc bộ (CLB); Các buổi sinh hoạt, workshop; Các buổi giao lưu, tư vấn; Cuộc thi; Hoạt động tình nguyện. Sau đây là một số chủ đề các hoạt động ngoại khóa của sinh

viên thường được tổ chức tại ĐH Thái Bình Dương. Sinh viên có thể tham khảo và lựa chọn cho mình hoạt động phù hợp theo Ngành của mình.

- Kỹ năng sống, kỹ năng mềm: Kỹ năng quản lý thời gian; Kỹ năng tự học, tự giác, làm việc độc lập; Kỹ năng lãnh đạo và quản lý đội nhóm; Kỹ năng giao tiếp; Kỹ năng quản lý tài chính; Kỹ năng sắp xếp công việc; Kỹ năng truyền thông hiệu quả; Kỹ năng xử lý tình huống, giải quyết vấn đề. Và còn nhiều kỹ năng khác liên quan đến ngành nghề và công việc của các bạn sinh viên sau này. Nhà trường và các khoa thường sẽ mở những buổi workshop và mời diễn giả về để diễn thuyết cho sinh viên.

- Ngoài ra, bạn cũng có thể tham gia các Câu lạc bộ để học và thực hành các kỹ năng cần thiết này. Việc tham gia các câu lạc bộ sẽ giúp bạn tiếp xúc với nhiều người. Học được những kỹ năng sống, kỹ năng mềm trong lúc tham gia cũng như có cơ hội thực hành những kỹ năng này liên tục.

- Thể thao là chủ đề phổ biến nhất trong các chương trình ngoại khóa của sinh viên. Thường được tổ chức dưới dạng câu lạc bộ. Các câu lạc bộ thể thao rất đa dạng, từ bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn... cho đến Yoga, Nhảy.

- Ngoài thể thao, nghệ thuật cũng là chủ đề rất phổ biến cho các chương trình ngoại khóa của sinh viên. Các câu lạc bộ văn nghệ, vẽ tranh, làm đồ thủ công, tái chế... giúp các bạn phát triển tốt về năng khiếu nghệ thuật.

Các chương trình ngoại khóa của sinh viên cũng thường tổ chức theo chủ đề tình nguyện, các hoạt động vì cộng đồng. Sinh viên sẽ có cơ hội giao tiếp với tập thể, thực hành và phát triển kỹ năng sống và kỹ năng mềm. Lợi ích lớn nhất của việc tham gia hoạt động này là nâng cao nhận thức về trách nhiệm cá nhân và cộng đồng. Trong hoạt động tình nguyện, các bạn sinh viên không chỉ làm được việc tốt cho tập thể, giúp đỡ được cho những người khó khăn, những người cần hỗ trợ mà còn góp phần xây dựng xã hội tốt đẹp hơn, góp phần giúp môi trường sống ngày càng tốt đẹp hơn.

PHẦN 6. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Đối sánh sự đóng góp của mỗi môn học vào chuẩn đầu ra của chương trình

MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA

TT	Mã môn học	Tên môn học	PLO								
			1	2	3	4	5	6	7	8	9
Giáo dục tổng quát											
1	GDTQ101V1	Triết học Mác-Lê Nin							X	X	X
2	GDTQ102V1	Kinh tế chính trị Mác-Lê Nin							X	X	X
3	GDTQ103V1	Chủ nghĩa xã hội khoa học							X	X	X
4	GDTQ104V1	Tư tưởng Hồ Chí Minh							X	X	X
5	GDTQ105V1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam							X	X	X
6	TT111C1	Tiếng Trung 1	X	X	X	X	X	X			
7	TT112C1	Tiếng Trung 2	X	X	X	X	X	X			
8	TT113C1	Tiếng Trung 3	X	X	X	X	X	X			

TT	Mã môn học	Tên môn học	PLO								
			1	2	3	4	5	6	7	8	9
9	TT114C1	Tiếng Trung 4	X	X	X	X	X	X			
10	TT115C1	Tiếng Trung 5	X	X	X	X	X	X			
11	TT116C1	Tiếng Trung 6	X	X	X	X	X	X			
12	CNTT109V1	Công nghệ thông tin thời đại số							X	X	X
13	LUAT112V1	Dẫn luận pháp luật và quyền con người							X	X	X
14		Kiến thức và kỹ năng khai phóng (10 tín chỉ)							X	X	X
Cơ sở ngành											
15	DPH101V1	Kinh tế chính trị các nước Đông Á							X	X	X
16	DPH102V1	Văn hóa, xã hội các nước Đông Á							X	X	X
17	DPH103V1	Triết học và tôn giáo Đông - Tây							X	X	X
18	TT117C1	Văn hóa Trung Quốc 1	X	X	X	X	X	X			
19	TT118C1	Văn hóa Trung Quốc 2	X	X	X	X	X	X			
Cốt lõi ngành											
20	TT105C1	HSK 3A	X	X	X	X	X	X			
21	TT106C1	HSK 3B	X	X	X	X	X	X			
22	TT107C1	HSK 3C	X	X	X	X	X	X			
23	TT108C1	HSK 4A	X	X	X	X	X	X			
24	TT109C1	HSK 4B	X	X	X	X	X	X			
25	TT110C1	HSK 4C	X	X	X	X	X	X			
26	TT233C1	Ngữ pháp Hán ngữ hiện đại	X	X	X	X	X	X			
27	TT125C1	Luyện thi HSK4	X	X	X	X	X	X			
28	TT124C1	Luyện thi HSKK 4	X	X	X	X	X	X			
Chuyên ngành											
29	TT222C1	Chuyên đề: Từ chữ Hán đến chữ Nôm	X	X	X	X	X	X			
30	TT230C1	Đề án 1	X	X	X	X	X	X	X	X	X
31	TT231C1	Đề án 2	X	X	X	X	X	X	X	X	X
32	TT232C1	Thực hành ngôn ngữ	X	X	X	X	X	X	X	X	X
33	TT208C1	Thực tập nhận thức	X	X	X	X	X	X	X	X	X
34	TT226C1	Tiếng Trung khách sạn - nhà hàng	X	X	X	X	X	X	X	X	X
35	TT227C1	Tiếng Trung hướng dẫn du lịch	X	X	X	X	X	X	X	X	X
36	TT206C1	Phương pháp giảng dạy tiếng Trung	X	X	X	X	X	X	X	X	X
37	TT223C1	Phương pháp phiên dịch	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Lựa chọn liên ngành											
38		Kiến thức khác ngành (6 tín chỉ)							X		
Tốt nghiệp											
39	TT401C1	Thực tập tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X	X	X	X
40	TT402C1	Khóa luận tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X	X	X	X

6.2. Đối sánh với một số chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo khác

Môn học	CTĐT 1	CTĐT 2	CTĐT 3
HSK			
HSKK			
Luyện thi HSK			
Văn hoá Trung Quốc	X	X	X
Đề án			
Thực tập nhận thức			
Thực hành ngôn ngữ			X
Tiếng Trung khách sạn nhà hàng		X	
Phương pháp phiên dịch	X	X	X
Tiếng Trung hướng dẫn du lịch	X	X	X
Phương pháp giảng dạy tiếng Trung		X	X
Ngữ pháp Hán ngữ hiện đại	X	X	X

CTĐT 1: ngành Trung Quốc học, trường Ngoại ngữ - Du lịch, ĐH Công nghiệp Hà Nội

<https://slt.hau.edu.vn/vn/mo-nganh-dao-tao/chuan-dau-ra-va-khung-chuong-trinh-dao-tao-cu-nhan-nganh-trung-quoc-hoc/63391>

CTĐT 2: ngành Trung Quốc học trường ĐH Đà Lạt

<http://nvvh.dlu.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/nvvh/3.%20Ch%C6%B0%C6%A1ng%20tr%C3%ACnh%20%C4%91%C3%A0o%20t%E1%BA%A1o%20ng%C3%A0nh%20TQH.pdf>

CTĐT 3: ngành Trung Quốc học trường ĐHKHXHNV thuộc ĐHQGTPHCM

<https://hcmussh.edu.vn/static/document/BROCHURE%20verson%202021.pdf>

PHẦN 7. LỘ TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

7.1. Lộ trình đào tạo tối ưu

LỘ TRÌNH 3,5 NĂM – 11 HỌC KỲ

TT	NĂM THỨ 1	Số tín chỉ	Ghi chú	
		33		
	HỌC KỲ 1	13		
1	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	2	Tự chọn	AB
2	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	2	Tự chọn	AB
3	Công nghệ thông tin thời đại số	3		AB
4	Tiếng Trung 1	3		AB
5	Tiếng Trung 2	3		AB
	HỌC KỲ 2	6		

1	Kinh tế - chính trị các nước Đông Á	3		
2	Tiếng Trung 3	3		
HỌC KỲ 3		14		
1	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	3	Tự chọn	A
2	Tiếng Trung 4	3		A
3	Văn hóa - xã hội các nước Đông Á	3		A
4	Tiếng Trung 5	3		B
5	Thực tập nhận thức	2		B
TT	NĂM THỨ 2	Số tín chỉ	Ghi chú	
		42		
HỌC KỲ 4		19		
1	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	3	Tự chọn	A
2	Tiếng Trung 6	3		A
3	Liên ngành 1	3		A
4	Giáo dục quốc phòng - an ninh (3 tuần)	6		B
5	Tiếng Trung HSK 3A	3		B
6	Chuyên đề: Từ chữ Hán đến chữ Nôm	1		B
HỌC KỲ 5		5		
1	Dẫn luận pháp luật và quyền con người	2		
2	Tiếng Trung HSK 3B	3		
HỌC KỲ 6		18		
1	Giáo dục thể chất	3		A
2	Tiếng Trung HSK 3C	3		A
3	Liên ngành 2	3		A
4	Triết học Mác - Lênin	3		B
5	Tiếng Trung HSK 4A	3		B
6	Ngữ pháp Hán ngữ hiện đại	3		B
TT	NĂM THỨ 3	Số tín chỉ	Ghi chú	
		40		
HỌC KỲ 7		16		
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		A
2	Tiếng Trung HSK 4B	3		A
3	Tiếng Trung khách sạn - nhà hàng	3		A
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		B
5	Tiếng Trung HSK 4C	3		B



6	Tiếng Trung hướng dẫn du lịch	3		B
HỌC KỲ 8		8		
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		
2	Luyện thi HSKK4	3		
3	Đề án 1	3		
HỌC KỲ 9		16		
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		A
2	Triết học và tôn giáo Đông - Tây	3		A
3	Luyện thi HSK4	3		A
4	Phương pháp giảng dạy tiếng Trung	3		B
5	Văn hóa Trung Quốc 1	3		B
6	Thực hành ngôn ngữ	2		B
TT	NĂM THỨ 4	Số tín chỉ	Ghi chú	
		15		
HỌC KỲ 10		15		
1	Đề án 2	3		A
2	Phương pháp phiên dịch	3		A
3	Văn hóa Trung Quốc 2	3		A
4	Thực tập/khóa luận tốt nghiệp	6		B
HỌC KỲ 11		0		
1	Thực tập/khóa luận tốt nghiệp (tiếp tục)	6		

7.2. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Các học phần tự chọn trong nhóm học phần Giáo dục tổng quát, tự chọn chuyên ngành, việc xem xét mở môn tùy thuộc vào điều kiện thực tế tại từng học kỳ như sĩ số sinh viên đăng ký, giảng viên, các điều kiện cơ sở vật chất.

- Tất cả các học phần được giảng dạy theo Đề cương môn học đã được duyệt và phải được cung cấp, giải thích cho sinh viên ngay từ đầu học kỳ.

- Tùy theo số tín chỉ đã tích lũy ở bất kỳ thời điểm xem xét, sinh viên sẽ được phân loại theo năm học như sau:

Loại SV	Số tín chỉ đạt
SV năm I	0 - 41
SV năm II	42 - 77
SV năm III	78 - 124
SV năm IV	Từ 125 trở lên

- Việc phân loại sinh viên theo số tín chỉ, so sánh với số năm học danh nghĩa cũng là căn cứ để xác định tình trạng học tập của sinh viên. Do đó, sinh viên cần có kế hoạch học tập cá nhân phù hợp để hoàn thành Chương trình đào tạo trong thời gian tối đa được phép học tại trường.

- Nhà trường công bố kế hoạch học tập của cả năm học trước khi năm học mới bắt đầu.

- Căn cứ kế hoạch học tập theo từng năm học/ học kỳ và kế hoạch đào tạo theo thời gian của chương trình đào tạo, Khoa/ Bộ môn hướng dẫn sinh viên đăng ký các môn học bắt buộc và lựa chọn các môn học tự chọn phù hợp.

Trưởng Bộ Môn



TS. Trương Anh Tuấn

KT. Hiệu trưởng

Phó Hiệu Trưởng



TS. Phạm Quốc Lộc

